

Số: 04 /2014/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn
kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 446/TTr-SNN ngày 10 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- PCVP Tổng hợp; Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, (TA005).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Dũng

QUY ĐỊNH
Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí
hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí địa phương do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông không thể hiện trong Quy định này thì áp dụng theo Quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất - kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.

3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất - kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ.

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông:

a) Kinh phí cấp tỉnh được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh; việc xét chọn nội dung hoạt động khuyến nông do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí khuyến nông trên cơ sở được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán hàng năm.

b) Kinh phí sự nghiệp các huyện, thành phố sử dụng cho hoạt động khuyến nông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố quyết định nội dung hoạt động và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí đó.

2. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông địa phương

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

1.1. Đối với người sản xuất:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố Bạc Liêu; tối đa không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn, huyện; hỗ trợ tiền đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức khoán tối đa không quá 50.000 đồng/người/ngày thực học nhưng không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì được hỗ trợ tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức tại tỉnh.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% theo mức quy định đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nêu ở trên.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức tại tỉnh; phần chi phí còn lại do học viên tham gia đóng góp.

1.2. Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

a) Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày đối với lớp học tổ chức tại tỉnh.

b) Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ chi phí tài liệu học, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định như đối với người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

1.3. Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, cụ thể:

a) Người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức 300.000 đồng/buổi.

b) Người dạy nghề là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các Trung tâm Khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn được trả tiền công giảng dạy với mức 100.000 đồng/buổi.

1.4. Chi khác (*chi theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học*):

Chi khai giảng, bế giảng; in chứng chỉ, tiền thuốc y tế thông thường cho học viên, khen thưởng, nước uống, văn phòng phẩm; thuê phương tiện, hội trường, địa điểm, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (*đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác, ...*) vật tư thực hành lớp học.

2. Chi thông tin tuyên truyền:

Hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công

tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến; thông qua:

2.1. Chương trình phát thanh khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình; tài liệu, tờ rơi, áp phích, cẩm nang kỹ thuật, tạp chí, tập san, bản tin, trang web khuyến nông, cung cấp sổ tay khuyến nông, Báo Nông nghiệp, Tạp chí Nông nghiệp, ... hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông, hội nghị câu lạc bộ khuyến nông đô thị, diễn đàn khuyến nông; mức chi theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3. Chi hội chợ triển lãm: Đơn vị được giao tổ chức chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể.

2.4. Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc, chi thức ăn, hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (*nếu có*); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác.

2.5. Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (*nếu có*).

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn, mô hình thực nghiệm, thử nghiệm về khuyến nông:

3.1. Nội dung:

- Xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất thử (*về tiến bộ khoa học, công nghệ*) trên các lĩnh vực thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt phù hợp với địa phương.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

- Xây dựng các mô hình thực nghiệm, thử nghiệm cây trồng vật nuôi, quy trình canh tác mới có hiệu quả.

- Xây dựng các cánh đồng mẫu lớn.

3.2. Mức hỗ trợ:

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của địa phương:

- Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

- Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến, nghề muối và ngành nghề nông thôn: Hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy, trang thiết bị, được hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (*không bao gồm vỏ tàu, máy tàu*): Hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình; mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển xa bờ và tuyến đảo (*không bao gồm vỏ tàu, máy tàu*): Hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình cho hộ nghèo (*có sổ hộ nghèo*) có điều kiện sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống, vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật.

b) Mô hình thực nghiệm, thử nghiệm: Mức hỗ trợ áp dụng tại Tiết a, Điểm 3.2, Khoản 3 Điều này.

c) Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (*nếu có*); mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình, trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 25.000 đồng/người/ngày.

3.3. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng: Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ; mức chi 15 triệu đồng/01 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng tại Điểm 1.2 và Điểm 1.3, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

3.4. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.5. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông, áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

3.6. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.7. Chi tham quan, học tập trong nước, nước ngoài:

- Chi tham quan học tập trong nước: Mức chi theo quy định hiện hành.

- Chi tham quan học tập nước ngoài: Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

3.8. Chi điều tra khảo sát, xây dựng chương trình dự án: Thực hiện theo quy định Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

3.9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3.10. Chi quản lý chương trình dự án khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông (*cơ quan chủ quản*): Được sử dụng tối đa không quá 02% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (*nếu có*); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (*nếu có*); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông, chi khác (*nếu có*); báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí.

b) Đối với tổ chức thực hiện dự án khuyến nông (*Cơ quan chủ trì*): Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 03% dự toán của dự án khuyến nông để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, gồm: Chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (*nếu có*); chi thẩm định xét chọn, thuê tư vấn đấu thầu, thuê thẩm định giá, chi khác (*nếu có*).

3.11. Chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông (*nếu có*).

Điều 6. Điều kiện để thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông; điều kiện tham gia triển khai các chương trình, dự án khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

- Có địa điểm thực hiện mô hình trình diễn phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình.

- Cam kết đầu tư vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và dự án; kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ mô hình.

- Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung của mô hình.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, dự án khuyến nông.

- Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, dự án khuyến nông.

- Đủ năng lực để thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí nhà nước và công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước:

1.1. Hàng năm căn cứ nội dung, kế hoạch hoạt động khuyến nông của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khuyến nông lập dự toán kinh phí khuyến nông cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ngân sách tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cấp huyện*) gửi cơ quan Tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán hàng năm cho đơn vị.

1.2. Kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông theo Quy định này được phản ánh và quyết toán vào Loại 010 khoản 014 "*các hoạt động dịch vụ nông nghiệp*"; theo Chương tương ứng của mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

1.3. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và theo chế độ quy định quản lý tài chính hiện hành.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo:

2.1. Cơ quan, đơn vị thực hiện kinh phí khuyến nông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả.

2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh và gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện nội dung và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông theo đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp cùng Sở Tài chính tổng hợp, nghiên cứu và tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Dũng